

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 28/2020/DS-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, tranh chấp tiền hoán
đổi đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến;

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-DS ngày 01/6/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền hoán đổi đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-DS ngày 03/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Như C, sinh năm 1933; Thường trú: Đội S, thôn A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân Q, sinh năm 1973; Thường trú: tổ B, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nơi ở: đường số B, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị C1, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Đội S, thôn A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Như C, sinh năm 1933. Nơi cư trú: Đội S, thôn A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2020, đơn bổ sung nội dung theo yêu cầu của Tòa án đề ngày 30/3/2020 và ngày 17/4/2020, các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị C1 là ông Lê Như C trình bày:

Ông Lê Như C và ông Trần Xuân Q là họ hàng xa. Vào khoảng năm 2017, ông Q có mượn của vợ chồng ông C và Bà Trần Thị C1 60.000.000 đồng. Khoảng năm 2018, vợ chồng ông C, bà C1 và ông Q cùng mua đất của ông Nguyễn Thanh N tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, mỗi người mua 01 miếng đất có chiều ngang 6m, dài 40m, giá mỗi miếng là 150.000.000 đồng. Khi đi mua đất, vợ chồng ông C, bà C1 mang theo 200.000.000 đồng. Tại thời điểm đó, ông C đưa cho ông N số tiền mua đất là 150.000.000 đồng. Còn 50.000.000 đồng thì ông Q mượn vợ chồng ông C, bà C1 để đưa cho ông N tiền mua đất (ông Q nói sẽ trả 100.000.000 đồng tiền đất cho ông N sau). Tổng số tiền ông Q đã mượn của vợ chồng ông C, bà C1 là 110.000.000 đồng. Số tiền này là cá nhân ông Q mượn của vợ chồng ông C, bà C1, không ai cùng mượn nợ. Sau đó, ông Q đã trả cho vợ chồng ông C, bà C1 được 84.000.000 đồng, vì vậy ông C có ghi 01 tờ giấy ngày 16/4/2020 để chốt lại số tiền ông Q còn nợ là 26.000.000 đồng, tờ giấy này ông C đưa cho ông Q giữ.

Đối với 26.000.000 đồng tiền nợ, ông Q nói để làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C nhưng khi ông C đến nhà gặp, ông Q chỉ đưa ra 01 số giấy tờ nói là giấy đóng tiền làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C nhưng ông C chưa kịp xem thì ông Q đã mang cất đi. Lần sau khi ông C đến thì con ông Q nói đã đốt đi, do đó ông C vẫn chưa xác định được ông Q có đi làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

Về hai mảnh đất ông C và ông Q mua của ông N, hai mảnh đất này giáp ranh nhau và tiếp giáp đường lớn. Lúc đầu, ông C mua mảnh đất bên trong giáp đất ông N (chủ đất), ông Q mua mảnh đất phía ngoài, bên hông có giáp 01 con đường hẻm. Mỗi mảnh đều có chiều ngang 6m, dài 40m. Tại thời điểm đưa tiền mua đất cho ông N, ông C và ông Q không biết đường hẻm có hành lang đường bộ, sau khi đến Ủy ban nhân dân xã T để ký giấy mua bán đất thì mới biết có hành lang đường bộ, khi đó, ông Q nói với ông C là ông C phải đưa cho ông Q 25.000.000 đồng do ông Q bị hụt đất, ông C không đồng ý. Vì vậy ông Q nói hoán đổi đất cho ông C, ông C sẽ lấy mảnh đất phía ngoài, ông Q lấy mảnh đất phía trong, và ông Q sẽ đưa cho ông C 25.000.000 đồng nên ông C đồng ý. Việc hoán đổi đất ông C có ghi giấy cho ông Q, tuy nhiên việc ông Q nói đưa 25.000.000 đồng thì hai bên không ghi giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau. Tuy nhiên, sau đó, ông Q không trả cho ông C như thỏa thuận. Vì chưa đủ căn cứ để yêu cầu ông Q trả nên nay ông C không yêu cầu ông Q trả số tiền hoán đổi đất nữa, và đồng ý rút yêu cầu khởi kiện đối với 25.000.000 đồng tiền hoán đổi đất này.

Tại đơn khởi kiện, ông C có yêu cầu buộc ông Q phải trả cho ông số tiền đã mượn là 26.000.000 đồng như giấy tờ trước đây ông C đã ghi cho ông Q. Tuy nhiên, nay ông C chỉ yêu cầu ông Q trả cho ông số tiền 12.942.200 đồng (mười hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2020, bị đơn ông Trần Xuân Q trình bày:

Ông Trần Xuân Q và ông Lê Như C là họ hàng xa. Vào khoảng năm 2018, ông Q có mượn của ông C 60.000.000 đồng. Cũng trong năm này, ông Q và ông C cùng mua đất của ông Nguyễn Thanh N, mỗi miếng đất có chiều ngang 6m, dài 40m, giá mỗi miếng là 150.000.000 đồng. Khi ông C từ Lâm Đồng xuống Đức Linh có mang theo 200.000.000 đồng. Tại thời điểm đó ông Q đang gửi tiền tại Quỹ tín dụng chưa đến hạn rút ra, nên ông Q có mượn của ông C 50.000.000 đồng để đưa trước cho ông N, còn 100.000.000 đồng còn lại ông Q nói ông N 10 ngày sau ông Q sẽ trả và sau đó ông Q đã trả 100.000.000 đồng nợ tiền đất này cho ông N tại Quỹ tín dụng. Phần đất của ông C thì ông C đã trả đủ tiền cho ông N là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Q mượn của ông C là 110.000.000 đồng. Khoản tiền này là cá nhân ông Q mượn của ông C, không ai cùng mượn nợ. Ông Q đã ly hôn vợ từ khoảng năm 2010. Sau đó, ông Q đã trả cho ông C được 84.000.000 đồng, còn lại 26.000.000 đồng, ông C có ghi giấy tờ ngày 16/4/2020 xác nhận việc này.

Đối với 26.000.000 đồng này, ông C nói ông Q dùng để làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, còn dư bao nhiêu trả lại cho ông. Ông Q đã tiến hành các thủ tục ký hợp đồng đo đạc 28.000 đồng, phí dịch vụ đo đạc 2.900.000 đồng, nộp thuế cho cả hai mảnh đất của ông Q và của ông C 23.187.600 đồng, tổng cộng hết 26.115.600 đồng (có giấy tờ kèm theo). Như vậy, ông Q đã sử dụng 13.057.800 đồng trong số tiền 26.000.000 đồng của ông C cho việc làm thủ tục ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Nhưng do thủ tục cấp đất gặp vài trục trặc nên ông Q vẫn chưa làm xong thủ tục, ông Q giữ số tiền còn lại để đợi tiếp tục làm thủ tục ra sổ cho ông C chứ không phải đây đưa kéo dài không trả tiền. Như vậy, ông Q còn nợ lại ông C là 12.942.200 đồng (mười hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng), ông Q đồng ý trả cho ông C số tiền này.

Về đất ông Q và ông C mua của ông N, hai mảnh đất này giáp ranh nhau và tiếp giáp đường 14m. Lúc đầu, ông Q mua mảnh đất phía ngoài, bên hông có giáp 01 con đường hẻm 5m, ông C mua mảnh đất bên trong giáp đất ông N (chủ đất). Mỗi mảnh đều có chiều ngang 6m, dài 40m. Tại thời điểm mua đất, ông N nói ông Q cứ đo đất từ hàng rào (giáp đường hẻm) vào đất của ông N 06m, rồi đo tiếp 06 m nữa cho ông C, ông Q và ông C hoàn toàn không biết gì về thông tin trừ hành lang đường bộ. Tuy nhiên, sau đó, ông C muốn đổi đất với ông Q để lấy mảnh đất giáp đường hẻm, ông Q lấy mảnh phía trong của ông C thì ông Q đồng ý. Ngày 01/3/2019, ông C có viết cho ông Q 01 tờ giấy trong đó có nội dung đổi đất, tuy nhiên không hề đề cập đến việc phải trả tiền gì, và hai người cùng ký vào tờ giấy này. Việc ông C cho rằng vì mảnh đất giáp đường hẻm bị trừ 01m hành lang thì ông Q phải trả lại tiền 1m chênh lệch khi đổi là không có cơ sở vì hai bên không thỏa thuận gì về việc này. Bản thân ông Q chỉ biết đất mua diện tích bằng nhau thì ông Q đồng ý đổi. Do đó nay ông C yêu cầu ông Q trả 25.000.000 đồng của 01m đất chênh lệch thì ông Q không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Q nhiều lần không tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa và có hành vi nói lớn tiếng gây mất trật tự, vì vậy Chủ tọa phiên tòa đã mời ông Q ra khỏi hội trường xét xử từ giai đoạn tranh luận, phiên tòa vẫn được tiếp tục tiến hành mà không có mặt ông Q. Khi tuyên án có mặt ông Q.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định. Bị đơn có mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa; riêng phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Trong quá trình phiên tòa diễn ra, ông Q nhiều lần không tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa và có hành vi nói lớn tiếng gây mất trật tự khi hội đồng xét xử đang làm việc, như vậy ông Q đã vi phạm quy định tại nội quy phiên tòa đã được thư ký thông qua, việc Chủ tọa phiên tòa mời ông Q ra khỏi hội trường xét xử là đúng quy định. Khi tuyên án, ông Q có mặt để nghe Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị C1 là ông Lê Như C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Như C. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Xuân Q nhiều lần không tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa và có hành vi nói lớn tiếng gây mất trật tự đã vi phạm quy định tại Nội quy phiên tòa, vì vậy Chủ tọa phiên tòa đã mời ông Q ra khỏi hội trường xét xử từ giai đoạn tranh luận, phiên tòa vẫn được tiếp tục tiến hành mà không có mặt ông Q. Khi tuyên án có mặt ông Q.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Như C yêu cầu ông Trần Xuân Q trả lại cho ông số tiền nợ là 26.000.000 đồng và số tiền hoán đổi đất là 25.000.000 đồng. Sau đó, ông C thay đổi chỉ yêu cầu ông Q trả lại số tiền nợ là 12.942.200 đồng (mười hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Đối với yêu cầu về tiền hoán đổi đất, trong quá trình làm việc và tại biên bản lấy lời khai, ông C xác định không yêu cầu ông Q trả số tiền hoán đổi đất nữa, và đồng ý rút yêu cầu khởi kiện đối với 25.000.000 đồng tiền hoán đổi đất này. Tại đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 25/6/2020, ông Lê

Như C đã rút phần yêu cầu tranh chấp về tiền hoán đổi đất, cụ thể là rút yêu cầu buộc ông Trần Xuân Q trả lại số tiền hoán đổi đất 25.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ số 64/2020/QĐST-DS ngày 26/6/2020 đình chỉ giải quyết 01 phần yêu cầu khởi kiện này. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét phần yêu cầu này trong bản án. Tại buổi làm việc của phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông C cũng xác định chỉ yêu cầu ông Q trả lại số tiền đã mượn là 12.942.200 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

[4] Ông C và ông Q đều thừa nhận trước đây ông Q có nợ ông C 26.000.000 đồng thể hiện bằng giấy xác nhận nợ ngày 16/4/2020. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

[5] Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh và Cơ quan thuế khu vực Đức Linh, Tánh Linh về nội dung xác định các khoản chi phí ông Q đã nộp làm thủ tục tách thửa đất và ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q và ông C. Theo văn bản số 549/CNVPĐKĐĐDL ngày 07/9/2020, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh cung cấp thông tin sau: Ngày 27/8/2018 cập nhật số hiệu thửa đất thay đổi do đo đạc của 02 giấy chứng nhận số BU 268624 và giấy chứng nhận số U 833602, đã đóng tiền phí, lệ phí biến động là 28.000 đồng và thu tiền dịch vụ đo đạc là 2.900.000 đồng. Hiện các biên lai trên đã quyết toán về cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận. Ngày 07/11/2018 cập nhật chuyển mục đích sử dụng đất của 02 giấy chứng nhận số BU 268624 và giấy chứng nhận số U 833602, đã nộp tiền sử dụng đất số thông báo LTB 1871515 số tiền 13.370.400 đồng và số tiền 9.688.200 đồng, biên lai nộp tiền lệ phí trước bạ là 129.000 đồng. Kèm theo là 03 giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước của người nộp là ông Nguyễn Thanh N do ông Trần Xuân Q ký tên nộp. Đối với những chứng từ số tiền phí, lệ phí biến động là 28.000 đồng và dịch vụ đo đạc là 2.900.000 đồng, tuy Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai không cung cấp được hóa đơn do đã nộp về cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận nhưng số tiền trùng khớp với lời trình bày cũng như hóa đơn giá trị gia tăng bản phô tô đối chiếu bản chính và biên lai thu tiền phí, lệ phí phô tô do ông Trần Xuân Q cung cấp. Do đó, có căn cứ ông Q đã thực hiện đóng các khoản tiền trên phục vụ cho thủ tục ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và ông Q. Tổng số tiền ông Q đã chi trả trong thủ tục này là 26.115.600 đồng, mỗi người chịu một nửa chi phí là 13.057.800 đồng.

Như vậy thực tế ông Q đã dùng 13.057.800 đồng trong tổng số tiền 26.000.000 đồng còn nợ ông C để làm các thủ tục ra Giấy chứng nhận cho ông C. Ông Q còn nợ lại ông C 12.942.200 đồng. Ông C và ông Q đều thừa nhận về số tiền còn nợ này nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi, trong giấy xác nhận nợ giữa hai bên cũng không thỏa thuận về tiền lãi, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Ngày 15/12/2020, ông Trần Xuân Q có đơn kiến nghị kèm Bản án số 59/2020/HSST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm

Đồng gửi Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, nội dung ông trình bày về Bản án số 59/2020/HSST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử đối với Lê Đình Th (con của ông Lê Như C) về tội cố ý gây thương tích, trong đó buộc Lê Đình Th bồi thường cho ông Q, tuy nhiên Th chưa đủ 18 tuổi nên cha mẹ là ông Lê Như C và Bà Trần Thị C1 phải bồi thường cho ông Q số tiền 7.620.000 đồng. Ông Q trình bày bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Do đó ông Q yêu cầu ông C bồi thường cho ông trước khi ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, Bản án số 59/2020/HSST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã có hiệu lực pháp luật và vụ việc xảy ra tại thành phố B, vì vậy nội dung giải quyết trong Bản án trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, ông Q liên hệ cơ quan có liên quan để được giải quyết nội dung kiến nghị của mình.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Xuân Q phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Chi phí tố tụng: Chi phí trích lục hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai số tiền 69.000 đồng, ông Lê Như C tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Như C đối với bị đơn ông Trần Xuân Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Xuân Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Như C số tiền 12.942.200 đồng (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Xuân Q phải chịu 647.110 đồng (Sáu trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm mười đồng).

Trả lại cho ông Lê Như C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003674 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Như C tự nguyện chịu 69.000 đồng (Sáu mươi chín nghìn đồng) chi phí trích lục hồ sơ. Ông Lê Như C đã nộp đủ tiền.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (3);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung